

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất (đợt 4)
cho Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng để thực hiện dự án Khu số 1
thuộc Khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương, huyện Yên Thế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các dự án, công trình được phép thu hồi đất; các dự án, công trình được phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 117/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về việc chấp thuận đầu tư dự án Khu số 1 thuộc Khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương, huyện Yên Thế; số 782/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 về việc điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án Khu số 1 thuộc Khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương, huyện Yên Thế;

Theo đề nghị của: Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng tại Đơn xin giao đất ngày 10/4/2020 và hồ sơ kèm theo; Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 297/TTr-TNMT ngày 08/5/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Chuyển mục đích sử dụng: 5.341,2 m² (Năm nghìn ba trăm bốn mươi một phẩy hai mét vuông) đất UBND huyện Yên Thế đã thu hồi tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 và giao đất (đợt 4) cho Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng toàn bộ diện tích đất nêu trên (5.341,2 m²) để thực hiện dự án Khu số 1 thuộc Khu dân cư trung tâm xã Phồn Xương (nay là thị trấn Phồn Xương), huyện Yên Thế, cụ thể:

1.1. Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở: 917,9 m² (Chín trăm mười bảy phẩy chín mét vuông).

1.2. Giao đất không thu tiền sử dụng với diện tích 4.423,3 m² (Bốn nghìn bốn trăm hai mươi ba phẩy ba mét vuông) đất, gồm: đất ở để Nhà nước bố trí giao đất tái định cư: 595 m²; đất giao thông: 3.828,3 m².

(Có Bảng tổng hợp cơ cấu các loại đất kèm theo).

2. Địa điểm khu đất: Thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (Vị trí, ranh giới khu đất được xác định bằng đường chỉ đỏ trên tờ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 kèm theo hồ sơ).

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn và thu phí, lệ phí; tổ chức giao đất trên thực địa cho Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng; hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn Công ty cổ phần đầu tư Minh Hùng thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích đất ở phải nộp tiền sử dụng đất.

3. UBND huyện Yên Thế chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND thị trấn Phồn Xương chỉnh lý hồ sơ địa chính, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giao đất trên thực địa cho Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng.

4. Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng có trách nhiệm:

4.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Thế nhận bàn giao đất trên thực địa. Sử dụng đất đúng mục đích được giao; chấp hành quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản;

4.2. Sau khi xây dựng xong hạ tầng theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt bàn giao lại diện tích đất không thu tiền sử dụng đất và toàn bộ hạ tầng kỹ thuật cho UBND huyện Yên Thế để quản lý.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở xây dựng, Cục Thuế Bắc Giang; Chủ tịch UBND huyện Yên Thế; Chủ tịch UBND thị trấn Phồn Xương; Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Đầu tư Minh Hùng (trả HS qua Trung tâm Phục vụ HCC);
- Sở Tài nguyên và MT (lưu HS);
- Lưu: VT, TN.Thắng.

Bản điện tử:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: PVPTN, XD, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO ĐẤT (ĐỢT 4)
 ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: KHU SỐ 1, KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM XÃ PHỒN XƯƠNG, HUYỆN YÊN THẾ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên phân khu	Tổng DT đất phân khu theo quy hoạch chi tiết xây dựng (m2)	DT giao đất đợt 1 (m2)	DT giao đất đợt 2 (m2)	DT giao đất đợt 3 (m2)	DT giao đất đợt 4 (m2)	DT đất chưa giao	Ghi chú
I	Diện tích đất ở giao đất có thu tiền SDD	61.236,4	30.870,4	10.981,0	15.736,4	917,9	2.730,7	
1	LK-01	1.229,0	1.190,6	38,4	-	-	0,0	Đất ở chia lô
2	LK-02	3.894,6	606,5	848,9	1.259,5	165,4	1.014,3	Đất ở chia lô
3	LK-03	5.200,0	751,4	3.506,6	-	89,5	852,5	Đất ở chia lô
4	LK-04	2.156,0	1.481,7	0	674,3	-	-	Đất ở chia lô
5	LK-05	2.288,0	2.286,3	0	-	1,7	- 0,0	Đất ở chia lô
6	LK-06	3.452,0	3.260,0	0	145,7	-	46,3	Đất ở chia lô
7	LK-07	2.642,0	2.641,8	0	-	-	0,2	Đất ở chia lô
8	LK-08	2.597,0	2.597,2	0	-	-	- 0,2	Đất ở chia lô
9	LK-09	2.168,1	239,9	0	1.571,9	354,6	1,7	Đất ở chia lô
10	LK-10	475,0	162,2	-	312,7	0,1	0,0	Đất ở chia lô
11	LK-11	2.587,2	2.337,8	0	249,4	-	- 0,0	Đất ở chia lô
12	LK-12	5.248,0	3.576,6	97,6	1.267,2	306,6	0,1	Đất ở chia lô
13	LK-13	3.148,0	42,3	857,1		-	0,0	Đất ở chia lô

					2.248,6			
14	LK-14	4.225,0	3.044,1	62,0	1.118,9	-	-	Đất ở chia lô
15	LK-15	2.814,0	590,7	2.223,3	-	-	-	Đất ở chia lô
16	LK-16	4.250,0	2.472,1	838,6	939,3	-	0,0	Đất ở chia lô
17	LK-17	2.195,0	2.185,7	9,3	-	-	0,0	Đất ở chia lô
18	LK-18	2.214,0	1.403,6	570,9	89,8	-	149,8	Đất ở chia lô
19	LK-19	5.768,0	0	980,3	4.494,5	-	293,2	Đất ở chia lô
20	LK-20	2.685,5	0	948,1	1.364,6	-	372,8	Đất ở chia lô
II	Diện tích đất ở giao đất không thu tiền SDD	137.788,6	67.240,8	32.404,6	29.255,0	4.423,3	4.464,9	
1	Đất cây xanh	19.619,0	11.633,8	6.715,3	1.269,9	-	0,0	
2	Diện tích đất công cộng và HTKT	9.829,0	5.276,1	3.547,4	1.091,5	-	- 86,0	
3	Đất ở (bố trí quỹ đất tái định cư)	6.270,6	3.341,8	1.567,2	629,8	595,0	136,8	
	LK-02	585,4	-	112,0	234,2	169,6	69,6	Bố trí tái định cư
	LK-05	320,0	320,0	-	-	-	-	
	LK-06	1.949,0	1.632,2	-	247,9	-	68,9	
	LK-08	80,0	80,0	-	-	425,4	- 425,4	
	LK-09	484,9	-	-	61,2	-	423,7	
	LK-10	560,0	371,6	188,4	-	-	0,0	
	LK-11	131,8	131,8	-	-	-	-	
	LK-12	560,0	470,2	3,3	-	-	0,0	

					86,4			
	LK-14	224,0	224,0	-	-		-	
	LK-18	1.232,0	112,0	1.120,0	-		-	
	LK-20	143,5	-	143,5	-		- 0,0	
4	Diện tích đất giao thông	102.070,0	46.989,1	20.574,7	26.263,9	3.828,3	4.414,0	
III	Tổng cộng (I + II)	199.025,0	98.111,2	43.385,6	44.991,4	5.341,2	7.195,6	